

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 13/2017/TLST-TCDS ngày 19/12/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: bà Trần Thị Q, sinh năm 1964 và ông Nguyễn T, sinh năm 1970; đều có địa chỉ nơi cư trú: tổ dân phố N, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

(ông Nguyễn T uỷ quyền cho bà Trần Thị Q theo văn bản uỷ quyền ngày 13/12/2017).

Bị đơn: bà Cao Thị H, sinh năm 1962; địa chỉ nơi cư trú: thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự như sau:

Bà Cao Thị H còn vay nợ vợ chồng bà Trần Thị Q và ông Nguyễn T tổng số tiền 2.365.000.000 đồng (*Hai tỷ ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi suất. Hai bên đương sự thoả thuận phương án và mức tiền trả nợ cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 20/4/2018 bà Cao Thị H phải thanh toán khoản vay nợ cho vợ chồng bà Trần Thị Q và ông Nguyễn T số tiền 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng chẵn*).

- Những lần tiếp theo: Vào ngày 20 hàng tháng, bà Cao Thị H phải thanh toán khoản vay nợ cho vợ chồng bà Trần Thị Q và ông Nguyễn T số tiền 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng chẵn*) cho đến khi trả hết số tiền vay.

3. Về án phí: Gia đình bà Trần Thị Q, ông Nguyễn T thuộc diện hộ nghèo; gia đình bà Cao Thị H thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn nộp án phí sơ thẩm dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND Huyện Q;
- Các đương sự;
- Chi cục THA Huyện Q;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Dương Viết Hải